

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN YÊN DŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTYT-KD

Yên Dũng, ngày tháng 11 năm 2022

V/v đề nghị báo giá
hóa chất xét nghiệm miễn dịch

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp.

Căn cứ Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ kế hoạch, nhu cầu sử dụng mua sắm hóa chất xét nghiệm miễn dịch năm 2022 của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng.

Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng hiện có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm miễn dịch năm 2022 như sau: *(Có danh mục cụ thể kèm theo)*.

Để có căn cứ lập dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm miễn dịch năm 2022, kính mời các đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật quan tâm gửi báo giá các mặt hàng có khả năng cung ứng căn cứ danh mục của đơn vị.

Bảng báo giá yêu cầu các nội dung sau:

- Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật, số lượng, phân nhóm theo tiêu chí kỹ thuật quy định tại Thông tư 14/2020/TT-BYT và các văn bản sửa đổi bổ sung, đường dùng, dạng bào chế, quy cách đóng gói, đơn vị tính, hãng sản xuất, nước sản xuất, đơn giá, thành tiền.

- Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, các chi phí trọn gói để thực hiện gói thầu: chi phí bảo quản, vận chuyển, đóng gói, xếp dỡ thực hiện tại địa điểm của bên mua và các chi phí khác có liên quan.

- Bảng báo giá phải có ngày tháng cụ thể, nêu rõ thời hạn hiệu lực của bảng báo giá, tiến độ cung cấp hàng hoá và có đầy đủ dấu, chữ ký của đại diện công ty, tổ chức.

Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ hộp thư điện tử: toand3b@gmail.com

- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng, địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Số điện thoại liên hệ: DSCKI Trần Văn Toàn – Trưởng Khoa Dược – Vật tư, TBYT, số điện thoại: 0982.496.884.

Thời gian nhận báo giá từ ngày đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng đến 09 giờ 00 phút ngày 21/11/2022.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Webiste; Fanpage TTYT (t/b);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /TTYT-KD ngày /11/2022 của Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng)

STT	Tên hàng hóa, vật tư, hóa chất	Tên thương mại (Nếu có)	Quy cách ĐVT	Hãng, nước sản xuất/	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (Có VAT)
1	Cơ chất phát quang				- Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt	mL	6.240		
2	Định lượng hsTnI				- Phạm vi phân tích: 2.3 - 27.027pg/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads được bao phủ bằng kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1% R1b: 0,1N NaOH R1c: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1%. R1d: Chất cộng hợp giữa kháng thể đơn dòng ở cừu kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA, protein (bò, cừu, chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,25%.	test	1.000		
3	Chất chuẩn hsTnI				- Thành phần: S0: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt < 0,1% Natri azua, và 0,1% ProClin 300 S1,S2,S3,S4,S5,S6: Hợp chất troponin tái tổ hợp ở nồng độ cTnI khoảng 30,7, 144, 567,	mL	17		

					2.293, 9.280 và 27.027 pg/mL trong chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, < 0,1% Natri azua và 0,1% ProClin 300				
4	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tìm mạch mức 1,2,3				Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh với các hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ protein tái tổ hợp, mô hoặc dịch cơ thể người	mL	54		
5	Định lượng Total T3				- Phạm vi phân tích: 0,1 - 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Liên hợp photphataza kiềm kháng T3 đơn dòng ở chuột (bò) và các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Analog T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch natri hiđroxit 0,4N (NaOH) có 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS). R1d: 0,4N dung dịch axit clohydric (HCl).	test	4.000		
6	Chất chuẩn Total T3				- Thành phần: S0: Huyết thanh người, < 0,1% natri azit và 0,025% Cosmocil CQ chứa 0 ng/mL (nmol/L) Triiodothyronine. S1, S2, S3, S4, S5: Triiodothyronine ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 4 và 8 ng/mL (0,8, 1,5, 3,1, 6,1 và 12,3 nmol/L) trong huyết thanh người có < 0,1% natri azit và 0,025% Cosmocil CQ.	mL	72		

7	Định lượng Free T4				<p>- Phạm vi phân tích: 0,25–6 ng/dL [3,2–77,2 pmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN₃ và 0,125% ProClin 300. R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN₃ và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN₃ và 0,125% ProClin 300. R1d: Chất cộng hợp triiodothyronine-phosphatase kiềm (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN₃ và 0,1% ProClin 300. R1e: Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN₃ và 0,125% ProClin 300.</p>	test	4.000		
8	Chất chuẩn Free T4				<p>- Thành phần: S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/dL (0 pmol/L) thyroxine. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroxine tự do trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 3 và 6 ng/dL (xấp xỉ 6,4, 12,9, 25,7, 38,6 và 77,2 pmol/L), có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.</p>	mL	45		
9	Ống lấy mẫu 0.5 mL				Thành phần: Polystyrene	Cái	2.000		
10	Ống lấy mẫu 2.0 mL				Thành phần: Polystyrene	Cái	2.000		

11	Định lượng TSH (3rd IS)				<p>- Phạm vi phân tích: 0,005–50 μIU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c: Liên hợp photphataza kiểm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1d: Liên hợp photphataza kiểm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300</p>	test	4.000		
12	Chất chuẩn TSH (3rd IS)				<p>- Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa 0 μIU/mL (mIU/L) hTSH S1,S2,S3,S4,S5: Xấp xỉ 0,05, 0,3, 3, 15 và 50 μIU/mL (mIU/L) hTSH, trong chất nền đệm BSA có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300</p>	mL	45		
13	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)				<p>Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.</p>	mL	50		

14	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)				Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	mL	50		
15	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)				Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	mL	50		
16	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2				Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Cái	15.680		
17	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2				- Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1).	mL	390.000		

18	Định lượng CEA				- Phạm vi báo cáo: 0,1–1.000 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí “sandwich” - Thành phần: R1a: Pha rắn: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng CEA MAb ở chuột, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất pha loãng: Dung dịch đệm photphat, protein (chuột, bò) với < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp: Kháng thể kháng CEA MAb ở chuột được liên kết với photphataza kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	test	800		
19	Chất chuẩn CEA				- Thành phần: S0: Dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên carcinoembryonic người ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1.000 ng/mL, trong dung dịch đệm phosphate, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	mL	30		
20	Định lượng AFP				- Phạm vi phân tích: 0,5–3.000 ng/mL [0,41–2.478 IU/mL] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng AFP đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (dê, thỏ, chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	test	800		

21	Chất chuẩn AFP			<p>- Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. Chứa 0 ng/mL AFP. S1,S2,S3,S4,S5, S6: AFP ở nồng độ xấp xỉ 2,5, 5, 25, 100, 500 và 3.000 ng/mL (2,1, 4,1, 21, 83, 413 và 2.478 IU/mL), trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.</p>	mL	35		
----	----------------	--	--	--	----	----	--	--